

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

- Mã chứng khoán: HHC
- Địa chỉ trụ sở chính: 25-27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3863 2956 Fax: 024 3863 8730
- Email: ..... Website: <http://www.haihaco.com.vn/>

**2. Nội dung công bố:**

- BCTC bán niên đã soát xét năm 2023:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán bán niên năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán bán niên 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Hà Nội, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/03/2023) - Đại diện theo pháp luật Thành viên (đến ngày 31/03/2023)
Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/03/2023) Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/04/2023)
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập
Ban Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2023)

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hoàng Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



Số: 190/2023/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vũ Bình Minh**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0034-2023-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B 01a - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>703.556.824.004</b>	<b>1.028.394.996.136</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.717.910.237	18.391.796.229
1. Tiền	111		6.717.910.237	18.391.796.229
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	86.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	5.000.000.000	86.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		570.658.562.070	797.648.655.684
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	65.850.212.499	279.965.781.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	124.030.195.914	132.138.111.382
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	380.778.153.657	385.544.762.554
IV. Hàng tồn kho	140		118.711.618.763	125.464.606.417
1. Hàng tồn kho	141	10	118.711.618.763	125.464.606.417
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.468.732.934	889.937.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.369.286.831	508.116.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		832.408.779	114.783.743
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	267.037.324	267.037.324
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>299.837.062.366</b>	<b>216.509.107.703</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92.109.446.975	2.609.446.975
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	92.109.446.975	2.609.446.975
II. Tài sản cố định	220		160.036.219.350	167.100.308.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	159.072.941.976	167.100.308.394
- Nguyên giá	222		422.179.128.172	422.513.750.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.106.186.196)	(255.413.441.731)
2. Tài sản cố định vô hình	227		963.277.374	-
- Nguyên giá	228		1.242.819.280	196.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.541.906)	(196.200.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		47.691.396.041	46.799.352.334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	47.691.396.041	46.799.352.334
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.003.393.886.370</b>	<b>1.244.904.103.839</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B 01a - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>439.621.900.110</b>	<b>692.365.169.321</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		437.477.743.728	686.503.024.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	8.325.923.439	287.892.186.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	121.235.910.351	123.343.700.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	12.016.644.291	13.509.142.412
4. Phải trả người lao động	314		7.183.923.366	23.863.951.371
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.307.442.119	16.464.658.140
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		968.323.474	1.135.588.479
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	19.517.972.775	20.887.613.132
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	253.685.829.741	191.737.485.402
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.235.774.172	7.668.699.442
II. Nợ dài hạn	330		2.144.156.382	5.862.144.458
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.705.822.865	1.705.822.865
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	438.333.517	4.156.321.593
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>563.771.986.260</b>	<b>552.538.934.518</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	563.771.986.260	552.538.934.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		345.688.716.262	295.541.618.588
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.674.157.698	55.588.203.630
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.872.372.672	52.786.418.604
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.003.393.886.370</b>	<b>1.244.904.103.839</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B 02a - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	391.592.461.424	572.907.601.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	23.084.537.530	29.953.433.190
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	368.507.923.894	542.954.167.955
4. Giá vốn hàng bán	11	22	303.581.104.909	495.019.883.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.926.818.985	47.934.284.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	22.242.811.956	20.800.022.202
7. Chi phí tài chính	22	24	12.641.422.166	11.598.086.150
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.548.494.474	11.532.715.873
8. Chi phí bán hàng	25	25	34.000.704.410	43.015.441.118
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	23.227.314.326	20.808.855.229
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.300.190.039	(6.688.075.432)
11. Thu nhập khác	31	26	392.082.173	28.227.319.243
12. Chi phí khác	32	27	122.433.884	1.162.302.198
13. Lợi nhuận khác	40		269.648.289	27.065.017.045
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.569.838.328	20.376.941.613
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.697.465.656	4.667.085.959
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.872.372.672	15.709.855.654
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	845	956

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B 03a - DN  
Đơn vị tính: VND

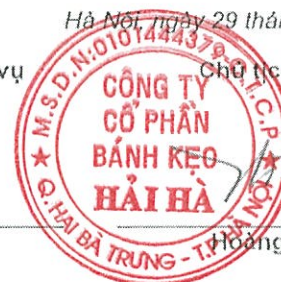
CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.569.838.328	20.376.941.613
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.500.708.324	8.647.848.932
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(70.971.956)	(270.905.827)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.190.225.385)	(20.310.201.917)
- Chi phí lãi vay	06	12.548.494.474	11.532.715.873
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.357.843.785	19.976.398.674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	221.877.750.202	7.355.968.148
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.752.987.654	(4.025.200.169)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(305.866.147.451)	67.521.063.287
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.753.213.799)	101.465.464
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.064.169.478)	(12.525.241.186)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.859.917.260)	(17.335.456.819)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(72.246.200)	(108.789.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(86.627.112.547)	60.960.207.526
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.436.619.280)	(1.213.345.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	104.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(89.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.000.000.000	9.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.530.480.890	13.178.687.125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.698.407.065	20.965.342.000
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	288.843.235.895	277.703.615.543
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(230.612.879.632)	(357.543.632.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	58.230.356.263	(79.840.016.636)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.698.349.219)	2.085.532.890
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.391.796.229	19.008.149.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	24.463.227	96.373.776
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.717.910.237	21.190.055.760

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Phùng Hùng

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 8 ngày 06/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 1.100 người (tại ngày 31/12/2022 là 1.172 người).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
<b>A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)</b>		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phú Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
<b>B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)</b>		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà



## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### 4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

### 4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



#### 4.5. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### 4.6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tiền gửi, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.



Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số lớn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh 4.7 - Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi.

#### 4.7. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### 4.8. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

#### 4.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### 4.10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

#### 4.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác, trong đó:

- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### 4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

#### 4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, tiền đầu tư và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

#### 4.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

#### 4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi



15/11/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃ SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	100.769.014	331.012.026
Tiền gửi ngân hàng	6.617.141.223 /	18.060.784.203
<b>Cộng</b>	<b>6.717.910.237</b>	<b>18.391.796.229</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Nội Finance	-	81.000.000.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>86.000.000.000</b>

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
IMPACT Co., Ltd (Shine Win Trading)	9.674.103.503	4.801.110.356
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tamba	-	171.897.854.372
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	15.166.068.063	34.442.265.720
Các khoản phải thu khách hàng khác	31.010.040.933	58.824.551.300
<b>Cộng</b>	<b>65.850.212.499</b>	<b>279.965.781.748</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh (i)	121.649.863.082	121.649.863.082
Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ và Đầu tư Xây dựng Trường Sinh	-	9.000.000.000
Các đối tượng khác	2.380.332.832	1.488.248.300
<b>Cộng</b>	<b>124.030.195.914</b>	<b>132.138.111.382</b>

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 15/10/2021 và phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh về việc mua bán hàng hóa do Bất động sản Thiên Thanh phân phối.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>380.778.153.657</b>	-	<b>385.544.762.554</b>	-
Tạm ứng	24.204.189.012	-	24.191.581.417	-
Phải thu từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư	334.700.000.000	-	340.700.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (i)	192.700.000.000	-	194.700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (ii)	40.000.000.000	-	44.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển ZETA (iii)	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh (iv)	59.000.000.000	-	59.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư	20.783.544.246	-	17.358.838.356	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (i)	9.806.533.287	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (ii)	2.215.068.493	-	6.977.178.082	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA (iii)	1.529.108.219	-	4.407.441.096	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh (iv)	3.862.042.466	-	5.950.917.808	-
- Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (v)	3.370.791.781	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Nội Finance	-	-	23.301.370	-
Các khoản phải thu khác	1.090.420.399	-	3.294.342.781	-
<b>Dài hạn</b>	<b>92.109.446.975</b>	-	<b>2.609.446.975</b>	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (v)	89.500.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.609.446.975	-	2.609.446.975	-
<b>Cộng</b>	<b>472.887.600.632</b>	-	<b>388.154.209.529</b>	-

- (i) Khoản phải thu Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA bao gồm khoản gốc và lãi theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và các phụ lục hợp đồng về việc góp vốn hợp tác trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng, mức lãi được chia cho Công ty được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- (ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.06/2021/HTĐT/QA-HHC ngày 15/06/2021 với Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh về việc hợp tác góp vốn thực hiện dự án "Trồng trà Oolong chất lượng cao" tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (không thành lập pháp nhân mới) do Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh thực hiện. Thời gian hợp tác là 24 tháng và được gia hạn đến ngày



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31/12/2023. Mức lãi được chi trả cho Hải Hà từ việc hợp tác là 10,5%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án.

- (iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 21122021/HĐHTĐT/HHC-ZETA ngày 21/12/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA về việc góp vốn đầu tư để mua bán trái phiếu chính phủ có thời hạn còn lại từ 2-3 năm. Thời gian hợp tác là 24 tháng và lợi tức từ việc hợp tác là 9,95%/năm dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lãi phải thu tại ngày 30/06/2023.
- (iv) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23.12.2021/HTĐT/HT-HH ngày 23/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh về việc góp vốn không thành lập pháp nhân mới thực hiện dự án "Sân tập golf Thạch Cầu" tại Long Biên, Hà Nội. Thời gian hợp tác là 24 tháng và sẽ tự động gia hạn thêm 12 tháng tiếp theo trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu hợp tác đầu tư. Lợi tức từ việc hợp tác là 9,95%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lãi phải thu tại ngày 30/06/2023.
- (v) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023 với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị về việc góp vốn đầu tư để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Chấp và xã Vĩnh Linh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 24 tháng và lợi tức từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lãi phải thu tại ngày 30/06/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm giám sát tiến độ và hiệu quả của các dự án được đầu tư và đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác đầu tư của doanh nghiệp tại ngày 30/06/2023.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	1.366.612.111	-	860.151.876	-
Nguyên liệu, vật liệu	58.327.521.570	-	80.598.227.268	-
Công cụ, dụng cụ	285.068.341	-	305.870.603	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.120.749.601	-	155.434.001	-
Thành phẩm	46.934.163.936	-	32.309.904.074	-
Hàng hoá	6.677.503.204	-	11.235.018.595	-
<b>Cộng</b>	<b>118.711.618.763</b>	<b>-</b>	<b>125.464.606.417</b>	<b>-</b>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.369.286.831	508.116.739
Chi phí thuê máy móc	1.090.909.090	-
Chi phí bảo hiểm	144.381.253	345.116.736
Các khoản khác	133.996.488	163.000.003
<b>Dài hạn</b>	<b>47.691.396.041</b>	<b>46.799.352.334</b>
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	42.081.828.907	42.712.192.477
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.181.985.422	2.222.609.892
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	921.335.849	1.335.801.155
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.506.245.863	528.748.810
<b>Cộng</b>	<b>49.060.682.872</b>	<b>47.307.469.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	153.342.171.638	248.843.263.433	20.020.034.291	308.280.763	422.513.750.125
Mua trong kỳ	-	-	390.000.000	-	390.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(724.621.953)	-	(724.621.953)
Tại ngày 30/06/2023	153.342.171.638	248.843.263.433	19.685.412.338	308.280.763	422.179.128.172
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	73.100.301.870	165.186.794.664	16.861.206.363	265.138.834	255.413.441.731
Khấu hao trong kỳ	2.422.711.902	5.602.879.579	376.999.775	14.775.162	8.417.366.418
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(724.621.953)	-	(724.621.953)
Tại ngày 30/06/2023	75.523.013.772	170.789.674.243	16.513.584.185	279.913.996	263.106.186.196
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2023	80.241.869.768	83.656.468.769	3.158.827.928	43.141.929	167.100.308.394
Tại ngày 30/06/2023	77.819.157.866	78.053.589.190	3.171.828.153	28.366.767	159.072.941.976
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	108.261.056.359	12.243.325.577	156.216.364	168.670.250.625

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (chi tiết xem tại Thuyết minh số 15).



CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH KEO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	3.958.710.266	3.958.710.266	99.934.428.126	99.934.428.126
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước	-	-	170.730.064.655	170.730.064.655
Công ty Cổ phần Beyond Communication	1.018.720.231	1.018.720.231	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	3.348.492.942	3.348.492.942	17.227.693.663	17.227.693.663
<b>Cộng</b>	<b>8.325.923.439</b>	<b>8.325.923.439</b>	<b>287.892.186.444</b>	<b>287.892.186.444</b>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/06/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.573.468.368	7.624.848.573	8.267.555.016	2.930.761.925				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(5.407.793)	378.114.377	378.114.377	(5.407.793)				
Thuế xuất, nhập khẩu	(261.629.531)	244.618.007	244.618.007	(261.629.531)				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.859.917.259	3.697.465.656	9.859.917.260	3.697.465.655				
Thuế thu nhập cá nhân	73.556.825	497.883.598	528.709.687	42.730.736				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.343.486.015	-	5.343.486.015				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.199.960	9.000.000	9.000.000	2.199.960				
<b>Cộng</b>	<b>13.242.105.088</b>	<b>17.795.416.226</b>	<b>19.287.914.347</b>	<b>11.749.606.967</b>				
Trong đó:								
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	267.037.324			267.037.324				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.509.142.412			12.016.644.291				

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

15. VAY NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>I. Vay ngắn hạn</b>	<b>191.737.485.402</b>	<b>191.737.485.402</b>	<b>292.561.223.971</b>	<b>230.612.879.632</b>	<b>253.685.829.741</b>	<b>253.685.829.741</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (i)	108.280.553.653	108.280.553.653	238.930.569.394	150.875.935.957	196.335.187.090	196.335.187.090
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	16.597.447.234	16.597.447.234	-	16.597.447.234	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii)	41.921.508.365	41.921.508.365	49.912.666.501	41.921.508.365	49.912.666.501	49.912.666.501
Vay cá nhân	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>24.935.976.150</b>	<b>24.935.976.150</b>	<b>3.717.988.076</b>	<b>21.217.988.076</b>	<b>7.435.976.150</b>	<b>7.435.976.150</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	17.500.000.000	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (iii)	7.435.976.150	7.435.976.150	3.717.988.076	3.717.988.076	7.435.976.150	7.435.976.150
<b>II. Vay dài hạn</b>	<b>4.156.321.593</b>	<b>4.156.321.593</b>	<b>-</b>	<b>3.717.988.076</b>	<b>438.333.517</b>	<b>438.333.517</b>
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (iii)	4.156.321.593	4.156.321.593	-	3.717.988.076	438.333.517	438.333.517
<b>Cộng</b>	<b>195.893.806.995</b>	<b>195.893.806.995</b>	<b>292.561.223.971</b>	<b>234.330.867.708</b>	<b>254.124.163.258</b>	<b>254.124.163.258</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức	Mục đích	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 20202225055597 ngày 06/07/2021 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 26/07/2022	230 tỷ	Bổ sung vốn lưu động	26/07/2023	Công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phú Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Biên Phủ	Hợp đồng số 125648.051.33450.T D ngày 30/03/2023	100 tỷ	Bổ sung vốn lưu động	25/03/2024	Hợp đồng tín chấp.

<b>Vay dài hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	Số	31,6 tỷ	Thanh toán tiền nhập khấu máy móc thiết bị	4 năm	Tài sản hình thành từ vốn vay.
	2163DDA/2018/HDC V ngày 24/12/2018.			Thời hạn vay theo giấy nhận nợ lần 1: 08/05/2024	
	Giấy nhận nợ lần 1 ngày 08/05/2020			Thời hạn vay theo giấy nhận nợ lần 2: 06/11/2024	
	Giấy nhận nợ lần 2 ngày 6/11/2020				



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Lịch trả nợ vay dài hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	7.435.976.150	24.935.976.150
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	438.333.517	4.156.321.593
<b>Cộng</b>	<b>7.874.309.667</b>	<b>29.092.297.743</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Mesa Health (*)	118.802.849.479	118.802.849.479
Các khách hàng khác	2.433.060.872	4.540.850.562
<b>Cộng</b>	<b>121.235.910.351</b>	<b>123.343.700.041</b>

(\*) Khoản ứng trước theo hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 22/10/2021 giữa Hải Hà và Công ty TNHH Mesa Health về việc mua bán hàng hóa do Hải Hà phân phối, giá trị hợp đồng là 250 tỷ đồng.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	938.304.052	591.759.877
Trích trước chi phí vận chuyển	766.752.028	343.882.457
Trích trước chi phí bán hàng	1.558.623.787	6.775.319.288
Trích trước chi phí quảng cáo	-	4.932.775.301
Trích trước chi phí khác	1.043.762.252	3.820.921.217
<b>Cộng</b>	<b>4.307.442.119</b>	<b>16.464.658.140</b>

**18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.517.972.775</b>	<b>20.887.613.132</b>
Kính phí công đoàn	2.377.117.839	1.819.251.179
Các khoản bảo hiểm	2.491.024	2.491.024
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	122.800.000	135.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.436.912.750	16.436.912.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	578.651.162	2.493.158.179
<b>Dài hạn</b>	<b>1.705.822.865</b>	<b>1.705.822.865</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.705.822.865	1.705.822.865
<b>Cộng</b>	<b>21.223.795.640</b>	<b>22.593.435.997</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ: B09a - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	245.873.013.806	55.084.526.901	502.366.653.007					
Lãi trong năm	-	-	-	-	52.786.418.604	52.786.418.604					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.668.604.782	(52.282.741.875)	(2.614.137.093)					
Tại ngày 01/01/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	295.541.618.588	55.588.203.630	552.538.934.518					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	13.872.372.672	13.872.372.672					
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	50.147.097.674	(52.786.418.604)	(2.639.320.930)					
Tại ngày 30/06/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	345.688.716.262	16.674.157.698	563.771.986.260					

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHĐCĐ-HHC ngày 25/04/2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 50.147.097.674 đồng; trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.639.320.930 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp VND
Ông Lưu Văn Vũ	24,00%	39.420.000.000	24,00%	39.420.000.000
Bà Trương Thị Bửu	24,00%	39.420.000.000	24,00%	39.420.000.000
Các cổ đông khác	52,00%	85.410.000.000	52,00%	85.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>164.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>164.250.000.000</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại - USD	164.645,18	139.011,64

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.592.461.424	572.907.601.145
Doanh thu bán thành phẩm	303.642.469.733	346.562.186.769
Doanh thu bán hàng hóa	79.518.302.082	216.626.830.618
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	8.431.689.609	9.718.583.758
Các khoản giảm trừ doanh thu	23.084.537.530	29.953.433.190
Chiết khấu thương mại	13.855.759.318	18.160.744.423
Hàng bán bị trả lại	9.228.778.212	11.792.688.767
Doanh thu thuần	<u>368.507.923.894</u>	<u>542.954.167.955</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn thành phẩm	224.445.706.016	279.472.339.601
Giá vốn hàng hóa đã bán	79.135.398.893	215.547.543.491
Cộng	<u>303.581.104.909</u>	<u>495.019.883.092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư	22.085.679.930	20.338.618.572
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	86.160.070	190.497.803
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	70.971.956	270.905.827
<b>Cộng</b>	<b>22.242.811.956</b>	<b>20.800.022.202</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí lãi vay	12.548.494.474	11.532.715.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	92.927.692	65.370.277
<b>Cộng</b>	<b>12.641.422.166</b>	<b>11.598.086.150</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí bán hàng	34.000.704.410	43.015.441.118
Chi phí nhân viên bán hàng	20.735.846.078	27.031.876.769
Chi phí vật liệu, bao bì	301.751.450	298.658.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.265.594	262.228.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.232.518.336	13.754.244.287
Chi phí khác	1.539.322.952	1.668.433.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.227.314.326	20.808.855.229
Chi phí nhân viên quản lý	6.895.271.738	8.101.715.735
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	178.381.324	54.446.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.610.066	72.366.588
Thuế, phí và lệ phí	5.352.486.015	4.577.372.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.163.484.363	7.278.518.333
Chi phí khác	448.080.820	724.435.538
<b>Cộng</b>	<b>57.228.018.736</b>	<b>63.824.296.347</b>

26. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi thanh lý TSCĐ	104.545.455	-
Thu từ hợp tác đầu tư	-	28.227.272.727
Thu phạt vi phạm hợp đồng	279.616.438	-
Các khoản khác	7.920.280	46.516
<b>Cộng</b>	<b>392.082.173</b>	<b>28.227.319.243</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi thanh lý TSCĐ	-	28.416.655
Các khoản truy thu, phạt thuế	1.388.610	1.093.342.753
Chi phí khác	121.045.274	40.542.790
<b>Cộng</b>	<b>122.433.884</b>	<b>1.162.302.198</b>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.215.705.089	251.604.563.696
Chi phí nhân công	57.493.795.500	74.792.884.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.500.708.324	8.647.848.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.755.825.612	28.485.686.667
Chi phí khác	7.339.889.787	8.965.440.129
<b>Cộng</b>	<b>304.305.924.312</b>	<b>372.496.423.835</b>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận trước thuế	17.569.838.328	20.376.941.613
<i>Điều chỉnh cho thu nhập trước thuế</i>	917.489.951	1.371.542.756
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	917.489.951	1.371.542.756
Thu nhập chịu thuế	18.487.328.279	21.748.484.369
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN kỳ này	3.697.465.656	4.349.696.874
Truy thu thuế TNDN kỳ trước	-	317.389.085
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.697.465.656</b>	<b>4.667.085.959</b>

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.872.372.672	15.709.855.654
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.872.372.672	15.709.855.654
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.425.000	16.425.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>845</b>	<b>956</b>

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	Có cùng chủ tịch HĐQT là ông Lê Mạnh Linh (đến ngày 31/03/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với bên liên quan:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý quỹ Amber	5.000.000.000	5.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 31/03/2023) Thành viên HĐQT (đến 31/03/2023)	22.000.000	-
Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ 31/03/2023)	22.000.000	-
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	22.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	22.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	22.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/09/2022)	-	569.583.000
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng giám đốc	408.232.515	-
Cộng		518.232.515	569.583.000

32. THÔNG TIN KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thù lao của Ban kiểm soát	110.000.000	-

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán chuyển sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch HĐQT









Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng